

Phụ lục

Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

DVT: Đồng

STT	Đơn vị	Số đối tượng hỗ trợ	Trong đó			Kinh phí hỗ trợ đãi ngộ (6 tháng cuối năm 2025)	Trong đó		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>155</u>	<u>51</u>	<u>66</u>	<u>38</u>	<u>2.952.900.000</u>	<u>1.555.200.000</u>	<u>1.238.400.000</u>	<u>159.300.000</u>
I	Cấp tỉnh	133	51	66	16	2.874.600.000	1.555.200.000	1.238.400.000	81.000.000
1	Văn phòng Tỉnh ủy	12	10		2	334.800.000	324.000.000		10.800.000
2	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	1		1		14.400.000		14.400.000	
1	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	2		2		43.200.000		43.200.000	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1			1	4.500.000			4.500.000
3	Hội Nông dân	1			1	5.400.000			5.400.000
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	4		2	2	50.400.000		39.600.000	10.800.000
5	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	1		1		18.000.000		18.000.000	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	24	24			750.600.000	750.600.000		
7	Sở Y tế	2		1	1	27.000.000		21.600.000	5.400.000
8	Sở Ngoại vụ	1		1		7.200.000		7.200.000	
9	Sở Nội vụ	1		1		21.600.000		21.600.000	
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		3		64.800.000		64.800.000	
11	Sở Công Thương	1			1	5.400.000			5.400.000
12	Sở Xây dựng	1			1	5.400.000			5.400.000
13	Thanh tra tỉnh	1			1	5.400.000			5.400.000
14	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3		3		64.800.000		64.800.000	
15	Cổng Thông tin điện tử tỉnh	2		1	1	22.500.000		18.000.000	4.500.000
16	Trung tâm Công nghệ thông tin	40	17	23		894.600.000	480.600.000	414.000.000	

STT	Đơn vị	Số đối tượng hỗ trợ	Trong đó			Kinh phí hỗ trợ dài ngọ (6 tháng cuối năm 2025)	Trong đó		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
17	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái	1		1		3.600.000		3.600.000	
18	Trung tâm Lưu sử lịch sử	1		1		18.000.000		18.000.000	
19	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1		1		18.000.000		18.000.000	
17	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Yên (nay là Trung tâm Y tế Khu vực Bảo Yên)	1		1		21.600.000		21.600.000	
18	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Yên	1		1		21.600.000		21.600.000	
19	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	1		1		21.600.000		21.600.000	
20	Bệnh viện đa khoa khu vực Bát Xát	1		1		21.600.000		21.600.000	
21	Bệnh viện Sản Nhi	3		3		64.800.000		64.800.000	
22	Bệnh viện đa khoa khu vực Mường Khương	2		2		43.200.000		43.200.000	
23	Bệnh viện đa khoa số 3	3		3		32.400.000		32.400.000	
24	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Thắng	3		3		64.800.000		64.800.000	
25	Bệnh viện đa khoa số 1	1		1		7.200.000		7.200.000	
26	Bệnh viện Phục hồi chức năng	2		2		43.200.000		43.200.000	
27	Trường Cao đẳng Lào Cai	2		2		43.200.000		43.200.000	
28	Bệnh viện đa khoa số 2	4		4		86.400.000		86.400.000	
29	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	1			1	5.400.000			5.400.000
30	Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch	1			1	5.400.000			5.400.000
31	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh	1			1	4.500.000			4.500.000
32	Thư viện tỉnh	1			1	3.600.000			3.600.000
33	Trung tâm Điều dưỡng tỉnh	1			1	4.500.000			4.500.000
	Cấp xã	22			22	78.300.000			78.300.000
34	UBND xã Cốc San	1			1	2.700.000			2.700.000
35	UBND phường Nam Cường	1			1	1.800.000			1.800.000
36	UBND xã Văn Chấn	1			1	1.800.000			1.800.000
37	UBND xã Bản Lầu	1			1	900.000			900.000
38	UBND phường Sa Pa	1			1	1.800.000			1.800.000
39	UBND xã Thượng Hà	1			1	5.400.000			5.400.000

STT	Đơn vị	Số đối tượng hỗ trợ	Trong đó			Kinh phí hỗ trợ dài ngọ (6 tháng cuối năm 2025)	Trong đó		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
40	UBND xã Thượng Hà	1			1	5.400.000			5.400.000
41	UBND xã Bảo Ái	1			1	2.700.000			2.700.000
42	UBND xã Tà Cù Tỷ	1			1	4.500.000			4.500.000
43	UBND phường Nghĩa Lộ	1			1	5.400.000			5.400.000
44	UBND xã Bắc Hà	1			1	5.400.000			5.400.000
45	UBND xã Châu Quế	1			1	4.500.000			4.500.000
46	UBND xã Gia Hội	1			1	900.000			900.000
47	UBND xã Mù Căng Chải	1			1	1.800.000			1.800.000
48	UBND xã Trịnh Tường	1			1	4.500.000			4.500.000
49	UBND xã Hợp Thành	1			1	5.400.000			5.400.000
50	UBND phường Yên Bái	1			1	5.400.000			5.400.000
51	UBND xã Phúc Khánh	1			1	5.400.000			5.400.000
52	UBND xã A Mú Sung	1			1	2.700.000			2.700.000
53	UBND xã Hưng Khánh	1			1	5.400.000			5.400.000
54	UBND phường Lào Cai	1			1	1.800.000			1.800.000
55	UBND phường Cam Đường	1			1	2.700.000			2.700.000